

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 07 - 5 - 2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Hồng Thạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Hải**.

2. Bà **Phạm Thị Liễu**.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Luật – Kiểm sát viên.

Ngày 07/5/2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện TP, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 490/2018/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 28/3/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST – HNGĐ ngày 17/4/2019 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị **Tây Thị Liên H**, sinh năm: 1990.

HKTT: Số nhà 46/34, khu 6, thị trấn TP, huyện TP, ĐN.

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 209, khu 6, ấp 6, xã PT, huyện ĐQ, tỉnh ĐN.

2. ***Bị đơn:*** Anh **Hồ Tạt M**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Số nhà 46/34, khu 6, thị trấn TP, huyện TP, ĐN.

(Tại phiên tòa vắng mặt chị H (chị H có đơn xin xét xử vắng mặt), anh M)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của chị Tây Thị Liên H thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hồ Tạt M tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới chung sống với nhau vào năm 2010. Hôn nhân của anh chị được Ủy ban nhân dân thị trấn TP, huyện TP cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/5/2010. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến tháng 4/2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên lục đục, cự cãi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2018 cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh M nên yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Tạt M.

Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung là Hồ Khiết T, sinh ngày 26/01/2011 và Hồ Khiết N, sinh ngày 21/3/2017. Từ khi ly thân, hai cháu do anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đồng ý giao 02 (hai) con chung cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung:*Chị khai báo chị và anh M tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị khai báo chị và anh M không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Theo lời trình bày của anh Hồ Tạt M thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới chung sống với nhau vào năm 2010. Hôn nhân của anh chị được Ủy ban nhân dân thị trấn TP, huyện TP cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/5/2010. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến tháng 4/2014 thì phát sinh mâu thuẫn và chị H bỏ nhà đi, sau đó vợ chồng trở về chung sống với nhau cho đến 9/2018, vợ chồng tiếp tục có mâu thuẫn và chị H đã bỏ nhà đi cho đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự thông cảm cho nhau, không đồng lòng đồng sức chăm lo cho gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2018 cho đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Hồ Khiết T, sinh ngày 26/01/2011 và Hồ Khiết N, sinh ngày 21/3/2017. Từ khi ly thân, hai cháu do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung và anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh khai báo anh và chị H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh khai báo anh và chị H không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị H đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau:

- + 01 (một) CMND của chị H (Bản sao);
- + 02 (hai) Giấy khai sinh (Bản sao);
- + 01 (một) Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao);
- + 01 (một) Đơn xin xác nhận Hộ khẩu thường trú của chị H, anh M (Bản chính).

- *Chứng cứ do anh M giao nộp:* Không có.

- *Tòa án đã thu thập những tài liệu, chứng cứ sau:* Biên bản xác minh của ông Trần Văn C và bà Huỳnh Nhật B.

Bản sao các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã gửi cho nguyên đơn, bị đơn.

Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị H được ly hôn anh M.

+ Về quan hệ nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Anh chị có 02 con chung là Hồ Khiết T, sinh ngày 26/01/2011 và Hồ Khiết N, sinh ngày 21/3/2017. Đề nghị giao cả hai cháu cho anh M nuôi dưỡng. Tạm thời chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh M không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Chị H, anh M kê khai tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét. Khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí DSST về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, chị H vắng mặt do anh có đơn xin xét xử vắng mặt, anh M vắng mặt lần hai nên anh chị không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết:

Anh Hồ Tạt M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số nhà 46/34, khu 6, thị trấn TP, huyện TP, ĐN. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP.

[1.2]. Xác định quan hệ pháp luật: Chị Tầy Thị Liên H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh M vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.3]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 05/12/2018 chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh M. Căn cứ theo Khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị H là nguyên đơn, anh M là bị đơn trong vụ án.

- Chị H do bận công việc nên việc đi lại tham gia phiên tòa xét xử gặp khó khăn. Do đó, chị H đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét yêu cầu của chị H về việc vắng mặt tại phiên tòa xét xử là phù hợp với quy định của

pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Tại phiên tòa, anh M vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt anh M.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét nội dung yêu cầu trong đơn khởi kiện của anh Phúc:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị H, anh M được xác lập vào năm 2010, hôn nhân của anh chị được Ủy ban nhân dân thị trấn TP cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/5/2010. Chị H có đơn yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết theo thủ tục chung về ly hôn mà Luật Hôn nhân và Gia đình quy định.

Xét lời khai của chị H, anh M và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Năm 2010 chị H, anh M tự nguyện kết hôn, sau khi tổ chức lễ cưới, đời sống chung vợ chồng hạnh phúc đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, xích mích do vợ chồng không cảm thông, cùng nhau chia sẻ dẫn đến mỗi người ở mỗi nơi kể từ tháng 9/2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị H, anh M ít qua lại, thông tin liên lạc và không trực tiếp trao đổi để vợ chồng có cơ hội về chung sống đoàn tụ với nhau. Do thời gian sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên chị H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Bản thân anh M thừa nhận vợ chồng cũng có những mâu thuẫn và hiện nay đã không còn chung sống với nhau. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là do Tòa án xem xét, quyết định.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục cấp, tổng đạt, niêm yết: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự và các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp cũng như Tòa án thu thập được cho các bên đương sự. Tòa án đã thông báo và mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ anh Phúc không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm. Bị đơn anh M vắng mặt đã được tòa án ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

Nhận thấy hôn nhân giữa chị H, anh M không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở, cho chị H được ly hôn với anh M để chị H, anh M sớm ổn định cuộc sống gia đình là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Về quan hệ nuôi dưỡng con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H, anh M có 02 con chung là Hồ Khiết T, sinh ngày 26/01/2011 và Hồ Khiết N, sinh ngày 21/3/2017.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị H, anh M: Cháu T và cháu N từ khi ly thân do anh M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị H đồng ý giao cả hai cháu cho anh M nuôi dưỡng, anh M cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai

cháu. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa chị H và anh M là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu Tâm nên chấp nhận nguyện vọng nuôi con của anh M. Giao cháu Hồ Khiết T và cháu Hồ Khiết N cho anh M nuôi dưỡng.

Anh M không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét mức cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị H, anh M tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[2.4]. Về nợ chung: Chị H, anh M kê khai không có.

[3]. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) anh Phúc đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 006159 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh ĐN chuyển thành án phí.

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 19, 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tẩy Thị Liên H.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Tẩy Thị Liên H được ly hôn anh Hồ Tạt M.

- *Về con chung:* Chị H, anh M có 02 con chung là Hồ Khiết T, sinh ngày 26/01/2011 và Hồ Khiết N, sinh ngày 21/3/2017.

Giao cho anh Hồ Tạt M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồ Khiết T và cháu Hồ Khiết N. Anh M không yêu cầu chị H cấp dưỡng nên không xem xét mức cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Chị H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Tách ra giải quyết bằng vụ kiện khác khi phát sinh tranh chấp.

2. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) anh Phúc đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 006159 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh ĐN chuyển thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh M có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (để ghi vào sổ hộ tịch theo số 68/2010, quyền số 01/2010 ngày 22/5/2010);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Thạnh